

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

Số: 06/2026/QĐST-VHNGĐ

*“V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và yêu cầu công
nhận quan hệ hôn nhân”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nghiêm Văn Hải.
- Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Kim Quy - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tham gia phiên họp: bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 317/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06/8/2026, về Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2026/QĐST-VHNGĐ ngày 04/9/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986; CCCD 001086035734. Bà Nông Thị T, sinh ngày 18/4/1984; CCCD 001184039758. Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: ông Hồ Văn K – chức vụ: Chủ tịch.

(Các đương sự vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Ông Trương Văn G (ông G), bà Nông Thị T (bà T) có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do ông Trương

Văn G chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và ông G, bà T không am hiểu tường tận quy định của pháp luật nên đã kê khai sai thông tin cá nhân của ông Trương Văn G dẫn việc thông tin trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện Trương Văn G sinh ngày 23/02/1981 nhưng thực tế ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986.

Nay ông G, bà T yêu cầu Tòa án Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn G và bà Nông Thị T Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2004, ngày 22/10/2004 của Ủy ban dân xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống hai vợ ông G, bà T có cuộc sống hôn nhân hòa thuận, cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình, cùng chăm lo nuôi dạy con chung cho nên ông G, bà T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông G, bà T kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là Trương Uyên N, sinh ngày 08/7/2005, Trương Minh D, sinh ngày 26/12/2008; Trương Minh H, sinh ngày 21/4/2019. Con chung hiện đang sống cùng chúng tôi, các con được chăm lo cuộc sống đầy đủ, được học hành và đảm bảo mọi mặt về vật chất và tinh thần. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng. Đại diện theo pháp luật Ông Hồ Văn K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2 có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ việc như sau: Về trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn giữa ông G và bà T: Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng cũ (nay là UBND xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng) đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tại thời điểm đăng ký kết hôn do ông Trương Văn G và bà Nông Thị T đã kê khai thông tin sai lệch dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Nay ông G và bà T yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, trường hợp có đủ căn cứ để Hủy kết hôn trái pháp luật giữa Trương Văn G và Nông Thị T Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2004, ngày 22/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng cũ (nay là xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng) thì Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng đưa Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng tham gia tố tụng để tham gia phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình; Ủy ban nhân dân xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp: người yêu cầu ông G, bà T và người đại diện hợp pháp của UBND xã Đa Huoai 2 ông Hồ Văn K vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đồng thời yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; tiểu mục a mục 1 Nghị quyết số 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; khoản 1 Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của ông G, bà T về việc Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn G và bà Nông Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2004, ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là Ủy ban nhân dân xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng và chấp nhận yêu cầu của ông G, bà T về việc Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986; và bà Nông Thị T, sinh ngày 18/4/1984, đều ở thôn 2, xã Đa Huoai 2 kể từ thời điểm ông G đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn kể từ ngày 24/02/2005.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: ông G và bà T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: ông Trương Văn G và bà Nông Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi ông G đủ

điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 10, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người yêu cầu ông G, bà T; người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đa Huoai 2 ông Hồ Văn K đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về nội dung: ông G, bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2004, ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là Ủy ban nhân dân xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng ghi ông Trương Văn G sinh ngày 23/02/1981, bà Nông Thị T sinh ngày 18/4/1984.

Đối chiếu với Giấy khai sinh, Căn cước công dân và Văn bản số 80/XN-CAX ngày 23/7/2026 của Công an xã Đa Huoai 2 xác nhận cho ông Trương Văn G về việc: “Trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986, định danh cá nhân số 0010865734, CMND số 250603592. Trong tàng thư hộ khẩu: Ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986, CMND số 250603592. Cả hai trường hợp đều trùng khớp với số CMND trong trích lục kết hôn của ông Trương Văn G do ông Trương Văn G cung cấp số 257/2026/TLKH-BS ngày 09/6/2026 của UBND xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời không có tài liệu nào thể hiện việc thay đổi thông tin cá nhân trước đây của ông G được lưu trữ trong tàng thư hộ khẩu”. Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân của ông G, bản tự khai có đủ cơ sở xác định ông Trương Văn G thực tế sinh ngày 23/02/1986. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 22/10/2004, ông G mới 18 tuổi 07 tháng 29 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy việc đăng ký kết hôn giữa ông G và bà T tại thời điểm ngày 22/10/2004 đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn. Do đó ông G, bà T đều nhất trí việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn G và bà Nông Thị T là có cơ sở.

Đến thời điểm hiện tại ông G và bà T đều đã đủ tuổi kết hôn và cùng có nguyện vọng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Theo khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, trường hợp tại thời điểm kết hôn các bên chưa đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó đã đủ điều kiện và cả hai cùng yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời

điểm các bên có đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy ông G, bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 03 con chung là Trương Uyên Nhi, sinh ngày 08/7/2005, Trương Minh Duy, sinh ngày 26/12/2008; Trương Minh Hiếu, sinh ngày 21/4/2019. Con chung hiện đang sống cùng ông G, bà T, các con được ông G, bà T chăm lo cuộc sống đầy đủ, được học hành và đảm bảo mọi mặt về vật chất và tinh thần. Nay ông G, bà T đã có đủ các điều kiện kết hôn căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận quan hệ hôn nhân của ông G, bà T kể từ thời điểm ông G đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 24/02/2005.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Trương Văn G sinh ngày 23/02/1986, bà Nông Thị T sinh ngày 18/4/1984 kể từ ngày 24/02/2005 theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Trương Văn G và bà Nông Thị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371, 372 BLTTDS.

[7] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ việc, vì vậy cần được chấp nhận

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 5; Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; khoản 2 Điều 11; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch. Điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trương Văn G và bà Nông Thị T: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn G và bà Nông Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2004 ngày 22/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986; và bà Nông Thị T, sinh ngày 18/4/1984 kể từ ngày 24/02/2005.

Kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Trương Văn G, sinh ngày 23/02/1986; và bà Nông Thị T, sinh ngày 18/4/1984 kể từ ngày 24/02/2005 theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ông Trương Văn G và bà Nông Thị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Hoàn trả cho ông Trương Văn G và bà Nông Thị T số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002249 ngày 06/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng – Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng;
- Ông Trương Văn G và bà Nông Thị T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nghiêm Văn Hải